

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2025/DS-PT

Ngày: 19 - 8 - 2025

V/v Yêu cầu công nhận quyền sử
dụng đất và chấm dứt hành vi ngăn
cản việc sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**
Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ái Nghi** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc “*Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi ngăn cản việc sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Lâm Đức T**, sinh năm 1943

1.2. Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lâm Tấn T1**, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024) (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lâm Đức T: Ông **Nguyễn Trường T2**, sinh năm 1975; trú tại: H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là số H N, phường R, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Bà **Hồ Thị T3**, sinh năm 1954

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lâm Đức T4**, sinh năm 1956

3.2. Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1960

3.3. Bà **Lâm Thị P**, sinh năm 1961

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

3.4. Bà **Lâm Thị O**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp C, xã V, tỉnh An Giang).

3.5. Bà **Lâm Bích L1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

3.6. Ông **Lâm Hữu L2**, sinh năm 1988

3.7. Ông **Lâm Hữu H1**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã V, tỉnh An Giang).

- **Người kháng cáo:** Đồng nguyên đơn nguyên đơn ông **Lâm Đức T** và bà **Võ Thị L**.

(Tại phiên tòa: ông Lâm Tấn T1, Luật sư Nguyễn Trường T2, bà Hồ Thị T3, bà Lâm Thị O, ông Lâm Hữu H1 có mặt; còn lại các đương sự khác vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Nguồn gốc phần đất đang có tranh chấp giữa ông T, bà L với bà Hồ Thị T3 là do ông Lâm Văn T5, bà Nguyễn Thị Đ chết để lại không có di chúc. Ông Lâm Văn T5 chết năm 1996, bà Nguyễn Thị Đ chết năm 2003. Giữa ông Lâm Văn T5, Nguyễn Thị Đ có 06 người con chung gồm: Lâm Đức T; Lâm Đức B, sinh năm 1950 (đã chết năm 2014); Lâm Đức T4, địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Lâm Thị H, địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Lâm Thị P, địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Lâm Thị O, địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Ông Lâm Đức B có vợ tên Hồ Thị T3 và có 03 người con chung, gồm: Lâm Hữu L2, Lâm Bích L1, và Lâm Hữu H1. Ông T5, bà Đ chết có để lại hai phần đất, cụ thể như sau: Phần đất dưới mé sông: Chiều ngang khoảng 29 mét x dài 13m và Phần đất trên bờ: Chiều ngang 29 mét x dài 27 mét, cả hai phần đất đều tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Cả hai phần đất này anh em trong gia đình có tổ chức họp gia đình vào năm 2006 và đã tự thỏa thuận phân chia xong; đối với phần đất trên bờ thì phần của người nào được phân chia cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn phần đất mé sông được phân chia cụ thể: Phần của ông Lâm Đức T chiều ngang 12,6 mét x dài 13 mét; Để lại làm đường đi chung chiều ngang 02 mét x dài 13 mét; Phần của ông Lâm Đức B chiều ngang 07 mét x dài 13 mét; Phần còn lại là của ông Lâm Đức T4. Việc thỏa thuận phân chia có làm văn bản và ký tên đề ngày 07/11/2006, nhưng không có đo đạc thực tế. Đến năm 2020 bà O không sử dụng 02 mét ngang đất này nữa nên trả lại cho ông T, chứ không có chuyển nhượng. Sau đó ông T, bà L nhờ cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Hồ Thị T3 ngăn cản nên hai bên phát sinh tranh chấp. Phần

đất mé sông này từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hồ Thị T3 chấm dứt hành vi ngăn cản ông T, bà L sử dụng phần đất chiều ngang 2 mét x dài một bên 14,06 mét và dài một bên 14,04 mét, vị trí: cạnh 1-2 giáp đường Huỳnh Thúc Kháng là 2m, cạnh 2-3 giáp đất ông T, bà L là 14,04m, cạnh 3-4 giáp kênh xáng Cạnh Đèn là 2m, cạnh 4-1 giáp đất Hồ Thị T3 là 14,06m và công nhận phần đất này cho ông T, bà L, đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

*** *Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn bà Hồ Thị T3 trình bày:*** Thống nhất lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về nguồn gốc đất cũng như họ tên ông T5, bà Đ, thời gian ông T5, bà Đ chết và các con của ông T5, bà Đ và con của bà với ông Lâm Đức B. Ông T5, bà Đ chết có để lại hai phần đất, cụ thể như sau: Phần đất dưới mé sông: Chiều ngang 29 mét x dài 13 và Phần đất trên bờ: Chiều ngang 30 mét x dài 25 mét, cả hai phần đất đều tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Cả hai phần đất này anh em trong gia đình có tổ chức họp gia đình vào năm 2006 và đã tự thỏa thuận phân chia xong; đối với phần đất trên bờ thì phần của người nào được phân chia cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn phần đất mé sông được phân chia cụ thể: Phần của ông Lâm Đức T chiều ngang 12,6 mét x dài 13 mét; Ông Lâm Đức T tự nguyện cho đường đi chung chiều ngang 02 mét x dài 13 mét; Phần của ông Lâm Đức B chiều ngang 07 mét x dài 13 mét; Phần còn lại là của ông Lâm Đức T4. Khi thỏa thuận phân chia có đo đạc thực tế và có lập biên bản đề ngày 07/11/2006. Năm 2020 ông Lâm Đức T nhờ cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, kể cả phần đất anh em thống nhất để lại làm lối đi chung chiều ngang 02 mét x dài 13 mét nên bà không đồng ý nên có ngăn cản, vì vậy hai bên phát sinh tranh chấp. Phần đất mé sông này từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì bà không đồng ý.

*** *Tại biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- ***Ông Lâm Đức T4:*** Về họ tên cha mẹ cũng như anh chị em trong gia đình như ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Sau khi cha mẹ chết anh em trong gia đình thống nhất thỏa thuận phần đất đang tranh chấp giữa ông T, bà L với bà T3 có chiều ngang 02m dưới mé sông làm đường công cộng. Trong vụ án này ông không có ý kiến yêu cầu gì.

- ***Bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị P:*** Thống nhất lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về nguồn gốc đất cũng như họ tên ông T5, bà Đ, thời gian ông T5, bà Đ chết và các con của ông T5, bà Đ và con của bà Hồ Thị T3 với ông Lâm Đức B. Ông T5, bà Đ chết có để lại hai phần đất, cụ thể như sau: Phần đất dưới mé sông: Chiều ngang 29 mét x dài 13 và Phần đất trên bờ: Chiều ngang 29 mét x dài 27 mét, cả hai phần đất đều tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vào năm 2006 anh em có tổ chức họp gia đình để phân chia đất do cha mẹ để lại, nhưng bà H, bà Phước không có tham gia. Đến năm 2021 chỉ bà H có tham gia phân chia tài sản tại trụ sở khu phố V, tuy bà H có biết chữ nhưng lẫn tay vào biên bản. Nội dung thống nhất giao 02 mét đất chiều ngang đang có tranh chấp giữa ông T, bà L với bà T3 cho bà Lâm

Hồng O1. Tại thời điểm lập biên bản anh em trong gia đình chỉ có bà H, ông Lâm Đức T và Lâm Hồng O1, ngoài ra không ai khác. Bà Phước có lẫn tay vào biên bản họp gia đình năm 2021 vì Lâm Hồng O1 kêu bà lẫn tay vào biên bản, bà không tham gia cuộc họp phân chia tài sản. Bà có biết nội dung của biên bản là giao 02 mét đất chiều ngang đang có tranh chấp giữa ông T, bà L với bà T3 cho bà Lâm Hồng O1. Tại thời điểm đó bà không ký tên được, nhưng nay bà đã biết ký và biết viết họ tên. Phần đất mé sông 02 mét đang có tranh chấp này từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đồng thời xác định đây là tài sản do cha mẹ để lại. Trong vụ án này bà H, bà Phước không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

- **Bà Lâm Thị O:** Thống nhất lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về nguồn gốc đất cũng như họ tên ông T5, bà Đ, thời gian ông T5, bà Đ chết và các con của ông T5, bà Đ và con của bà Hồ Thị T3 với ông Lâm Đức B, ông T5, bà Đ chết có để lại hai phần đất, cụ thể như sau: Phần đất dưới mé sông: Chiều ngang 29 mét x dài 13m và phần đất trên bờ: Chiều ngang 29 mét x dài 27 mét, cả hai phần đất đều tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vào năm 2006 anh em có tổ chức họp gia đình để phân chia đất do cha mẹ để lại. Phần đất trên bờ đã phân chia xong và phần của người nào được chia cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với phần đất dưới mé sông được phân chia như thế nào bà không rõ, nhưng có để lại 02 mét chiều ngang làm lối đi chung (tại thời điểm lập biên bản không có mặt bà, nhưng sau đó bà có ký tên vào biên bản). Thật sự chỉ có gia đình bà đi lên xuống, do bà chỉ được chia phần đất trên bờ. Đến năm 2021 bà có chuyển nhượng 02 mét đất này lại cho ông T, bà L với giá 20.000.000 đồng, nhưng bà T3 phát hiện nên phát sinh tranh chấp. Sau đó, anh em trong gia đình tham gia phân chia tài sản tại trụ sở khu phố V. Nội dung thống nhất giao 02 mét đất chiều ngang đang có tranh chấp giữa ông T, bà L với bà T3 cho bà. Tại thời điểm lập biên bản anh em trong gia đình có bà, ông Lâm Đức T và bà Lâm Thị H, ngoài ra không ai khác. Phần đất mé sông 02 mét đang có tranh chấp này từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đồng thời xác định đây là tài sản do cha mẹ để lại. Trong vụ án này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

- **Bà Lâm Bích L1, ông Lâm Hữu L2:** Ông bà là con của bà Hồ Thị T3 và ông Lâm Đức B (ông Lâm Đức B đã chết năm 2014), giữa bà T3 và ông B có 03 người con chung, gồm: Lâm Hữu L2, Lâm Bích L1 và Lâm Hữu H1. Nguồn gốc phần đất đang có tranh chấp giữa ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L với bà Hồ Thị T3 thì ông bà chỉ biết đó là của ông bà nội Lâm Văn T5, Nguyễn Thị Đ chết để lại, ngoài ra không biết gì thêm. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì ông bà không có ý kiến gì, mà tùy theo sự quyết định của mẹ là bà Hồ Thị T3 như thế nào thì ông bà đồng ý như thế đó. Trong vụ án này ông bà không yêu cầu giải quyết gì quyền lợi của mình. Xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án.

- **Ông Lâm Hữu H1:** Thống nhất lời trình bày của bà Hồ Thị T3, không ý kiến yêu cầu gì.

* *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – An Giang), đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị T3 chấm dứt hành vi ngăn cản ông T, bà L sử dụng phần đất chiều ngang 2 mét x dài một bên 14,06 mét và dài một bên 14,04 mét, vị trí: cạnh 1-2 giáp đường Huỳnh Thủ là 2m, cạnh 2-3 giáp đất ông T, bà L là 14,04m, cạnh 3-4 giáp kênh xáng Cạnh Đèn là 2m, cạnh 4-1 giáp đất Hồ Thị T3 là 14,06m, diện tích 28,1m² và công nhận phần đất này cho ông T, bà L, đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.087.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 1.087.000 đồng theo hóa đơn số 00000024 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần D - Chi nhánh K; chịu chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng theo hóa đơn số 00000051 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH MTV B1; ông T, bà L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông bà có nghĩa vụ chịu.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 23/1/2025, đồng nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L có đơn kháng cáo: Kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang). Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng đất của Lâm Đức T đối với phần đất tranh chấp, buộc bà T3 chấm dứt hành vi ngăn cản việc sử dụng đất của gia đình ông bà. Kèm theo đơn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp tài liệu, chứng cứ sau: 02 (hai) Tờ xác nhận của Lâm Thị H và Lâm Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nói trên. Bị đơn không có kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lâm Đức T có ý kiến: Buộc bà Hồ Thị T3 chấm dứt hành vi ngăn cản ông T, bà L sử dụng phần đất chiều ngang 2 mét x dài một bên 14,06 mét và dài một bên 14,04 mét, vị trí: cạnh 1-2 giáp đường Huỳnh Thủ là 2m, cạnh 2-3 giáp đất ông T, bà L là 14,04m, cạnh 3-4 giáp kênh xáng Cạnh Đèn là 2m, cạnh 4-1 giáp đất Hồ Thị T3 là 14,06m và công nhận phần đất này cho ông T, bà L, đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Thống nhất ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Bị đơn bà Hồ Thị T3 có ý kiến: Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn nêu ra. Vì phần đất này anh em đã thống nhất dùng làm lối đi chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

bà Lâm Thị O có ý kiến: Phần đất tranh chấp này có nguồn gốc của ông T5, bà Đ để lại nhưng anh em đã thống nhất chia phần này cho nguyên đơn ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: ông Lâm Tấn T1, Luật sư Nguyễn Trường T2, bà Hồ Thị T3, bà Lâm Thị O, ông Lâm Hữu H1 có mặt; còn lại các đương sự khác vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L có đơn kháng cáo: Kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang). Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng đất của ông Lâm Đức T đối với phần đất tranh chấp, buộc bà T3 chấp dứt hành vi ngăn cản việc sử dụng đất của gia đình ông bà.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy theo nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất xác định và thừa nhận nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích 28,1m², gồm các cạnh 1,2,3,4 (toàn bộ phần đất nằm trong hành lang đường bộ và đường thủy), đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang là của ông Lâm Văn T5, bà Nguyễn Thị Đ chết để lại không có di chúc. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật. Vì vậy có căn cứ để xác định phần đất các đương sự đang tranh chấp là di sản của ông Lâm Văn T5 và bà Nguyễn Thị Đ (ông T5 chết năm 1996, bà Đ chết năm 2003). Như cấp sơ thẩm đã nhận định. Giữa ông T5 và bà Đ có tất cả 06 người con chung, gồm: Lâm Đức T, Lâm Đức B, Lâm Đức T4, Lâm Thị H, Lâm Thị P, Lâm Thị O được xác định là những người đều có quyền được hưởng di sản do ông T5 và bà Đ để lại. Sau khi ông T5, bà Đ

chết thì vào ngày 07/11/2006 anh em trong gia đình đã thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của ông T5, bà Đ để lại, trong đó có phần đất hiện đang tranh chấp để làm lối đi chung, tuy không có mặt bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị P, bà Lâm Thị O, nhưng không ai có ý kiến phản đối và sau đó bà Lâm Thị O cũng đã ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Đối với phần di sản được anh em thỏa thuận phân chia thì phần của người nào được phân chia cũng đã sử dụng ổn định. Đến ngày 26/4/2021 chỉ ông Lâm Đức T, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị O tự phân chia lại phần đất đang tranh chấp này một lần nữa để giao lại cho bà Lâm Thị O, nhưng không có mặt đầy đủ các anh em trong gia đình, trong khi đó ông Lâm Đức B (chồng bị đơn Hồ Thị T3 đã chết năm 2014) và bà Hồ Thị T3 cũng đã có ý kiến phản đối không đồng ý với sự thỏa thuận này. Như vậy, việc thỏa thuận phân chia lại phần tài sản này không thực hiện được. Việc thỏa thuận phân chia tài sản đối với phần đất đang tranh chấp này vào lần đầu năm 2006 cũng như lần thứ hai vào năm 2021 thì không có nội dung nào giao lại cho nguyên đơn ông Lâm Đức T được quản lý, sử dụng. Do đó, từ những phân tích, đánh giá trên HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L về việc công nhận phần đất đang tranh chấp cho ông bà và buộc bị đơn bà Hồ Thị T3 chấm dứt hành vi ngăn cản ông bà sử dụng đất là không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Qua những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang).

[6] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.087.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 1.087.000 đồng theo hóa đơn số 00000024 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần D - Chi nhánh K; chịu chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng theo hóa đơn số 00000051 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH MTV B1; ông T, bà L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[7] Về án phí dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 6; Điều 12, Điều 14, Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông bà có nghĩa vụ chịu.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Nhưng do Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L được miễn số tiền án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị T3 chấm dứt hành vi ngăn cản ông T, bà L sử dụng phần đất chiều ngang 2 mét x dài một bên 14,06 mét và dài một bên 14,04 mét, vị trí: cạnh 1-2 giáp đường Huỳnh Thủ là 2m, cạnh 2-3 giáp đất ông T, bà L là 14,04m, cạnh 3-4 giáp kênh xáng Cạnh Đèn là 2m, cạnh 4-1 giáp đất Hồ Thị T3 là 14,06m, diện tích 28,1m² và công nhận phần đất này cho ông T, bà L, đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.087.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 1.087.000 đồng theo hóa đơn số 00000024 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần D - Chi nhánh K; chịu chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng theo hóa đơn số 00000051 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH MTV B1; ông T, bà L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Nhưng do nguyên đơn ông Lâm Đức T, bà Võ Thị L được miễn số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 6
- Phòng THA dân sự Khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha